

Mô phỏng các chức năng quản trị theo định hướng đại học ứng dụng - thực hành trong thời kì cách mạng công nghiệp 4.0

Nguyễn Xuân Nhĩ

Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Nguyễn Tất Thành
nxnh@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Trong xu thế đổi mới của Cách mạng Công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), nhiều trường đại học lớn của Việt Nam đang dần chuyển đổi hoạt động, từ mô hình truyền thống sang mô hình đại học ứng dụng thực hành. Mô hình này được xác định là nhiệm vụ chiến lược trong hệ thống các trường đại học, song vẫn chưa mang lại hiệu quả thực sự trong việc cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội. Nguyên nhân một phần xuất phát từ hệ quả của phương pháp giảng dạy dẫn đến năng lực nghề của sinh viên không đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính khám phá ra những nhân tố tác động đến chất lượng giảng dạy, nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua hình thức mô phỏng để rút ngắn khoảng cách giữa lí thuyết và thực hành. Trọng tâm của nghiên cứu này là tổ chức quá trình dạy theo phương pháp mô phỏng một cách logic, nhằm tạo môi trường cho sinh viên thực hành cách giải quyết vấn đề trong phạm vi các chức năng của quản trị được thực hiện trên máy tính.

Nhận 08.07.2019
Được duyệt 30.10.2019
Công bố 25.12.2019

Từ khóa
chức năng, mô phỏng,
năng lực, phương pháp,
quản trị

© 2019 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Đặt vấn đề

Công nghiệp 4.0 và những thay đổi ý nghĩa trong việc chuyển giao tri thức và ứng dụng tri thức thông qua hoạt động giáo dục và nghiên cứu:

Trước những thay đổi nhanh chóng của thời kì CMCN4.0 ngày nay, giáo dục đại học chuyển mình hướng đến một phương thức đào tạo mới: dạy những gì mà người lao động sẽ làm được khi ra trường, dạy những gì xã hội cần chứ không dạy cái nhà trường đang có. Vì vậy việc xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động nhằm cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp đại học kiến thức, thái độ, kĩ năng phù hợp với từng nhóm ngành nghề cụ thể mà xã hội đang và sẽ có nhu cầu sử dụng. Nghiên cứu nhằm mục tiêu nâng cao năng lực của sinh viên bằng cách dựng các chương trình đào tạo lấy nhu cầu của thị trường làm trung tâm, đồng thời cũng áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật vào trong giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy, trong đó lực lượng làm công tác giáo dục là nhân tố hàng đầu. Lí do chọn đề tài phương pháp giảng dạy đại học ngày càng được xem là động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, khi mô xê vấn đề phương pháp giảng dạy thì chưa có

nghiên cứu nào đề cập đến một cách toàn diện về phương pháp giảng dạy mô phỏng các chức năng quản trị ở trường đại học nhằm chuẩn bị một bước đệm từ giảng dạy lí thuyết đến ứng dụng thực tiễn. Việc chuẩn bị lực lượng lao động trình độ cao, đem lại cho họ những kiến thức và kĩ năng mà thị trường lao động cần đến để họ có thể tham gia vào hệ thống sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và làm việc với chất lượng tốt nhất ngay sau khi tốt nghiệp. Nhiệm vụ đó của giáo dục đại học đòi hỏi kết quả của giáo dục đại học phải chứng minh trong thị trường lao động. Mục tiêu này khác với mục tiêu của các trường đại học theo mô hình truyền thống, vì vậy đòi hỏi cách tiếp cận khác. Giáo dục đại học định hướng ứng dụng, giáo dục đại học ứng dụng nghề nghiệp (vocational education hoặc professional higher education) hay giáo dục đại học định hướng ứng dụng nghề nghiệp (professional oriented higher education - POHE) là một mô hình giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu này. Các trường đại học khoa học ứng dụng (university of applied science - ĐHKHUD) có vai trò đặc biệt đáp ứng những thay đổi này bằng cách điều chỉnh nguồn cung cấp giáo dục của họ theo yêu cầu và nhu cầu của thế giới việc làm. So với các trường đại học truyền thống thì giáo dục mà các trường ĐHKHUD mang lại sẽ liên ngành hơn và định



hướng giải quyết vấn đề thực tế hơn. Thay vì dạy các môn khoa học và học thuật đơn thuần, ĐHKHUD nhấn mạnh các kiến thức và kỹ năng định hướng ứng dụng nghề nghiệp. Phát triển các năng lực giải quyết vấn đề là một trong những đặc trưng của các trường này và hiện đang trở thành thước đo chính của giáo dục định hướng ứng dụng. Điều này đặc biệt quan trọng vì sự năng động của xã hội tri thức bao hàm nhu cầu cho việc cập nhật liên tục và đào tạo lại các lao động tri thức. Các hoạt động chính ở lĩnh vực này là chuyển giao tri thức và ứng dụng tri thức thông qua hoạt động giáo dục và nghiên cứu (Fearon, van Vuuren, McLaughlin & Nachmias 2019).

Tính cấp thiết của việc thay đổi phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu mới của đại học theo định hướng ứng dụng – thực hành:

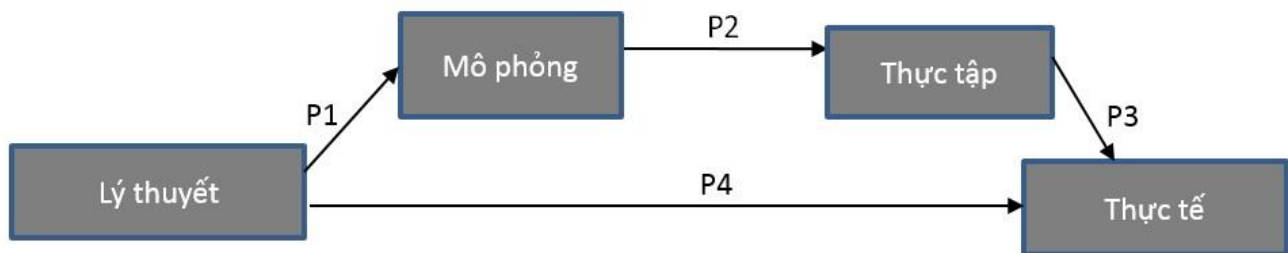
Trong năm 2018, cả nước có 131,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.478,1 nghìn tỉ đồng, tăng 3,5% về số doanh nghiệp và tăng 14,1% về số vốn đăng ký so với năm 2017, tỉ lệ thất nghiệp của Việt Nam trong năm 2018 là 2,28% tương đương 1,1 triệu người. Trong đó, 30% người hưởng trợ cấp thất nghiệp ở Hà Nội là cử nhân. Số sinh viên ra trường còn lại từ 6 tháng đến trên 1 năm mới tìm được việc làm. 50% sinh viên tốt nghiệp cơ bản đáp ứng với yêu cầu công việc nhưng phải đào tạo bổ sung (Tổng cục thống kê, 2018). Việc đổi mới phương thức đào tạo để tạo ra nguồn lực đáp ứng nhu cầu xã hội và tính cạnh tranh trong thị trường lao động hiện nay là nhiệm vụ cấp thiết của các trường đại học. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến phương pháp giảng dạy thông qua hình thức mô phỏng thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Thay cho việc phải nghiên cứu đối tượng cụ thể mà nhiều khi là không thể hoặc rất tốn kém tiền của, chúng ta xây dựng những mô hình hoá của đối tượng đó trong phòng học mô phỏng và tiến hành nghiên cứu đối tượng đó dựa trên mô hình hoá này. Phương pháp giảng dạy cổ điển nặng về truyền đạt một chiều, đặc

trung nhất là thầy giảng, trò ghi. Cho sinh viên làm bài tập và các hình thức kiểm tra cũng chỉ có tính chất củng cố những kiến thức đã được tiếp thu một cách thụ động. Phương pháp mô phỏng thường được dùng nhằm tạo ra một môi trường học cho sinh viên thực hiện cách giải quyết vấn đề trong mọi tình huống được chọn lọc trước (Angolia & Reed, 2019). Đây là lĩnh vực phức tạp, bài viết này xin trình bày một số vấn đề quan trọng về việc ứng dụng mô phỏng trong dạy và học, đồng thời tác giả cũng gợi ý một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng mô phỏng trong hoạt động giảng dạy. Mô phỏng kinh doanh cung cấp những trải nghiệm học tập đích thực, phản chiếu các vấn đề thực tế trên thế giới và cho phép sinh viên thực hành và phát triển kỹ năng, ra quyết định chiến lược trong những hoàn cảnh linh hoạt.

2 Nội dung nghiên cứu

2.1 Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước đây

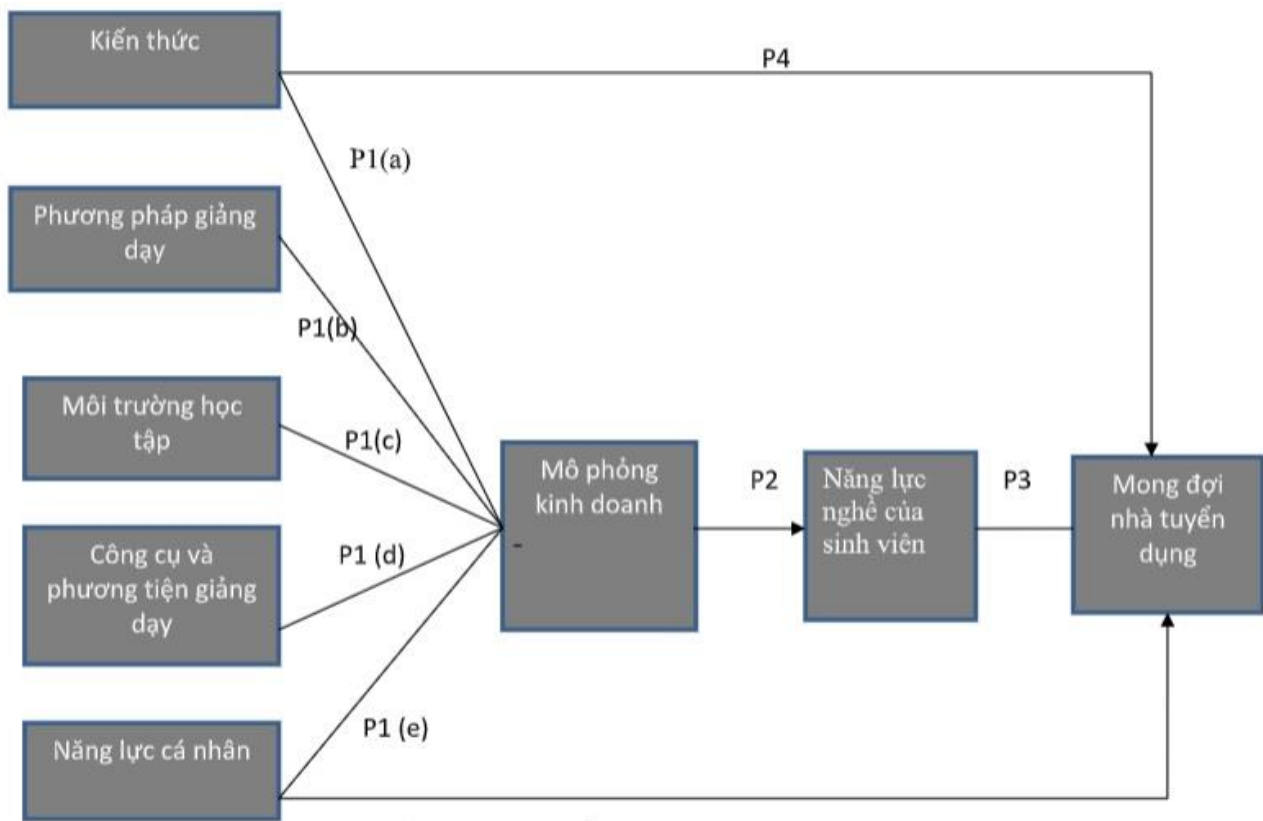
Lý thuyết – Mô phỏng – Thực tập – Thực tế có thể là con đường ngắn nhất để sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tiễn (Hình 1). Bởi vì, mô phỏng cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm xử lý vấn đề cụ thể, về hành vi, về ứng xử. Sức mạnh sư phạm của mô phỏng thể hiện ở chỗ nó huy động tất cả khả năng xử lý thông tin của sinh viên. “Trăm nghe không bằng một thấy”, nhưng nếu cái thấy là thực thể vận động thì ý nghĩa còn lớn hơn rất nhiều. Phương pháp mô phỏng giúp sinh viên có thể nhìn thấy được tình huống thực tế, rủi ro có thể xảy ra, hiện thực hóa lý thuyết đến triển khai thực tế, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế hoặc khắc phục sự cố. Trong một số trường hợp đối với một số sinh viên có khả năng, họ có thể trực tiếp xây dựng những hình ảnh mô phỏng theo nhiệm vụ giáo viên đặt ra. Qua đó sinh viên phát huy tính độc lập sáng tạo, tìm cách thực hiện nhiệm vụ được giao. Với một chương trình mô phỏng được thiết kế tốt, sinh viên có thể tự học mà vẫn đạt kết quả tốt như học với giáo viên. Điều này tạo điều kiện cho việc sinh viên phát triển kiến thức và năng lực nhân cách của sinh viên.



Hình 1 Mô hình ứng dụng đề xuất

Một nghiên cứu gần đây của cùng tác giả đã khám phá ra 5 yếu tố chính: công cụ và phương tiện giảng dạy, năng lực tư

duy, môi trường ứng dụng, phương pháp giảng dạy, kiến thức có ảnh hưởng đến chất lượng mô phỏng (Hình 2)



Hình 2 Mô hình nghiên cứu mô phỏng kinh doanh

Kiến thức: là bao gồm những dữ kiện, thông tin, sự mô tả có được nhờ trải nghiệm hay thông qua giáo dục mà có, trong phạm vi bài viết này là kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành. Những kiến thức nền tảng này sẽ được sử dụng trong quá trình mô phỏng thực tế cho sinh viên có thể lĩnh hội hiệu quả nhất. Bởi vì, ngành quản trị là một ngành mang tính chất tổng hợp, liên quan đến rất nhiều lĩnh vực khác nhau của hoạt động quản lý, điều hành trong sản xuất, nghiên cứu thị trường, phân phối sản phẩm, quan hệ khách hàng, marketing. Trong quá trình học tập, sinh viên vận dụng những kiến thức ấy, qua đó làm quen với môi trường làm việc thực tiễn thông qua mô phỏng.

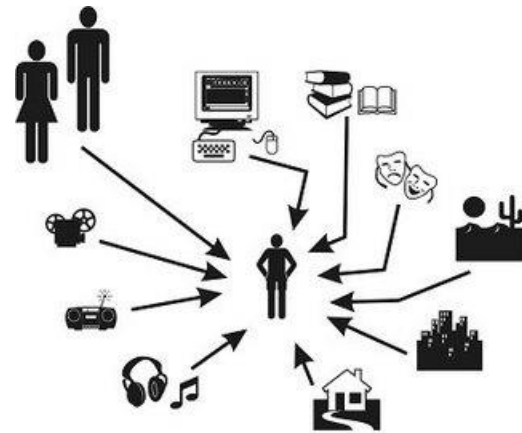
Phương pháp giảng dạy: giảng viên có thể dùng mô phỏng để đặt sinh viên trong tình huống có vấn đề, tạo trạng thái tâm lý sẵn sàng tham gia tích cực vào quá trình lĩnh hội kiến thức mới. Mô phỏng giúp giảng viên làm việc một cách sáng tạo, tìm được giải pháp thay thế những hoạt động học thiếu hiệu quả. Đồng thời mô phỏng giúp giảng viên tiết kiệm thời gian, nhờ đó có thể khám phá nhiều chủ đề, tăng cường thời gian giao tiếp, thảo luận với sinh viên. Khi ứng dụng mô phỏng để giảng dạy, giảng viên không chỉ giúp sinh viên nắm kiến thức môn học mà còn phải tìm cách để sinh viên hiểu biết cả con đường đã dẫn đến kiến thức. Tương ứng với mỗi bài học, giảng viên chọn phương pháp mô phỏng thích hợp.

Môi trường học tập: Cơ sở vật chất phục vụ cho chương trình đào tạo ứng dụng cần mô phỏng được thực tiễn nghề nghiệp,

bao gồm các trang thiết bị đặc thù. Hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường cần tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và cải thiện khả năng nghề nghiệp thông qua mô hình: nghiên cứu - đào tạo - ứng dụng - chuyển giao. Đồ án tốt nghiệp của sinh viên cũng cần tập trung giải quyết những bài toán nảy sinh từ thực tế nghề nghiệp.

Năng lực cá nhân: Phương pháp mô phỏng đòi hỏi sinh viên cần có các kỹ năng và thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa để có thể hiểu rõ ngữ cảnh của kịch bản; lĩnh hội và vận dụng được kiến thức đã học cho mỗi kịch bản cụ thể. Với các kiến thức về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, thực hành độc lập và hình thành phong cách học tập đặc trưng học thông qua làm việc. Trong thực tế, sinh viên cần nâng cao hơn nữa kỹ năng nghề nghiệp, tăng khả năng thích ứng, chủ động hơn trong công việc và giao tiếp; cải thiện kỹ năng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; thái độ với nghề nghiệp tích cực hơn. Mô hình mô phỏng tạo điều kiện người học tham gia vào công việc quản trị trong thực tế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến ngành nghề. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với thực tế, phương pháp học dựa trên mô phỏng còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về những định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường. Công cụ và phương tiện giảng dạy mô phỏng:

Trong lĩnh vực giáo dục, các bài giảng có ứng dụng mô phỏng thường là các thiết bị đa phương tiện nghe nhìn hiện đại sẽ tạo cho sinh viên nhiều cảm hứng, cảm xúc hồi hộp, lo âu với những kết quả đầu ra nhanh chóng. Người học kết hợp nhiều kỹ năng như: khả năng quan sát, khả năng thao tác trên đối tượng, khả năng tự do phát triển tư duy, lựa chọn con đường tối ưu để nhận thức. Hiện nay, mô phỏng trên máy tính là xu hướng dạy học mới, hiện đại đã và đang được nghiên cứu và áp dụng rộng rãi trên nhiều lĩnh vực. Để xây dựng mô phỏng trên máy tính, có nhiều phần mềm rất hiệu quả. Phần mềm phổ biến nhất là Flash, Java là những phần mềm mô phỏng thông dụng và hiệu quả nhất hiện nay.

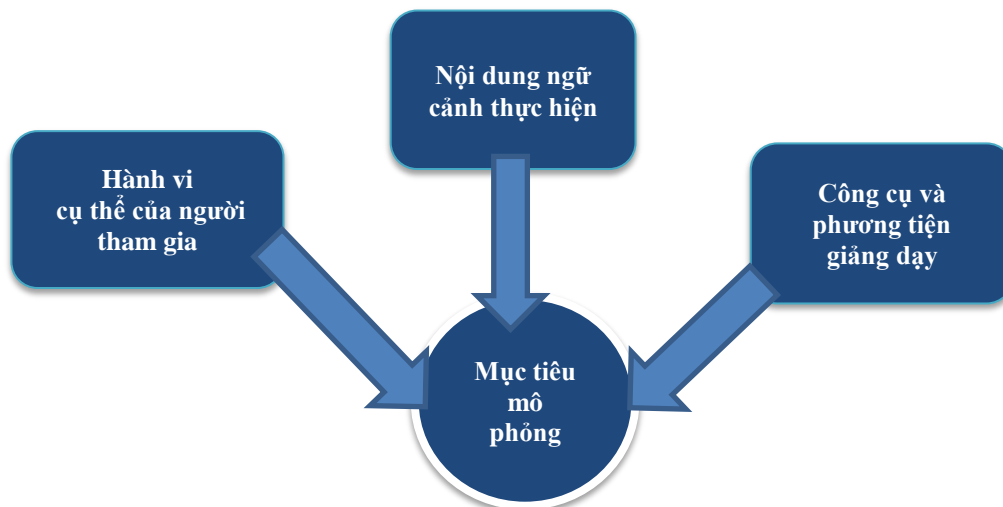


Hình 3 Minh họa công cụ và phương tiện giảng dạy

Mô phỏng và mô phỏng kinh doanh:

Theo Từ điển chính xác Oxford, bản 1976, "mô phỏng có nghĩa là giả cách..., làm ra vẻ như, hành động như, bắt chước giống với, mang hình thức của..., giả bộ như..., làm giả các điều kiện của tình huống nào đó thông qua một mô hình với mục đích huấn luyện".

Về mặt ý nghĩa kỹ thuật, mô phỏng (hay nói đúng hơn, phương pháp mô phỏng) hàm chứa việc áp dụng một mô hình nào đó để tạo ra kết quả, chứ không có nghĩa là thử nghiệm một hệ thống thực tế nào đó đang cần nghiên cứu hay khảo sát. Để đạt được mục tiêu cần mô phỏng, cần có các thành tố: nội dung ngữ cảnh thực hiện, công cụ và phương tiện giảng dạy và hành vi cụ thể của người tham gia (Hình 4).



Hình 4 Các thành tố của mô phỏng

Nguồn: Dự án Phát triển Giáo dục Đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE)

Từ lý thuyết trên, một nghiên cứu định tính về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của phương pháp mô phỏng giảng dạy các chức năng quản trị được minh họa qua mô hình sau đây:

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính bằng cách phỏng vấn sâu 10 sinh viên năm thứ 3 đã học xong các học phần quản trị. Kết quả cho thấy rằng đã khám phá 5 nhân tố tác động đến chất lượng giảng dạy mô phỏng các chức năng quản trị. Hầu hết các ý kiến đều cho rằng, để đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua hình thức mô phỏng

thì điều kiện tiên quyết giảng viên phải am hiểu công nghệ thông tin, kể đến là phương tiện ứng dụng để giải quyết các tình huống thực tế. Quá trình tổ chức giảng dạy được mô tả trong phần sau đây:

2.3 Tổ chức quá trình giảng dạy theo phương pháp mô phỏng

2.3.1 Mô phỏng và thiết kế mô hình các chức năng quản trị:
 Tổ chức quá trình dạy theo phương pháp mô phỏng một cách logic nhằm tạo ra một môi trường học cho sinh viên thực hành cách giải quyết vấn đề trong phạm vi các chức năng của quản trị được thực hiện trên máy tính. Mô phỏng

kinh doanh cung cấp những trải nghiệm học tập đích thực phản chiếu các vấn đề thực tế và cho phép sinh viên thực hành và phát triển kỹ năng ra quyết định chiến lược trong những hoàn cảnh linh hoạt.

Theo cách phân tích trên, công việc mô phỏng và thiết kế các mô hình quản trị được thực hiện qua 3 bước như sau:

1. Phân loại kiến thức ngành quản trị kinh doanh theo nhóm chức năng.
2. Tiến hành thiết kế mô phỏng kinh doanh liên quan đến các chức năng quản trị.
3. Xây dựng các mô hình theo từng module tích hợp cho mỗi chủ đề kiến thức dùng cho mỗi mô phỏng.

Trong bài viết này, tác giả không chọn ngành nghề nào để mô phỏng mà chỉ tập trung vào việc phân loại chức năng để mô phỏng vì trong bất cứ ngành nghề nào thì hoạt động quản trị cũng có 4 chức năng, đó là: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức thực hiện, chức năng lãnh đạo và chức năng kiểm soát.

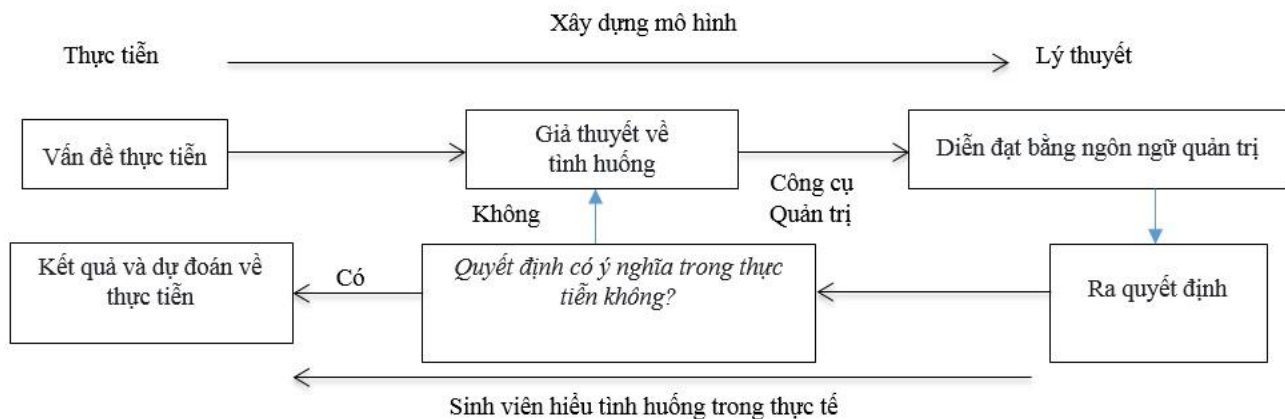
2.3.2 Mô hình hóa các chức năng quản trị:

Mô hình được mô tả như một vật dùng thay thế, mà qua đó, ta có thể thấy được các đặc điểm đặc trưng của quá trình giao dịch, tương tác lẫn nhau giữa các vật thể thực tế. Thông qua mô hình, ta có thể thao tác và khám phá các thuộc tính của đối tượng mà không cần đến vật thật. Mô

hình hóa (MHH) trong quản trị là quá trình giúp sinh viên tìm hiểu, khám phá các tình huống nảy sinh từ thực tiễn bằng công cụ và ngôn ngữ quản trị với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Quá trình này đòi hỏi sinh viên cần có các kỹ năng và thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa (Nguyễn Danh Nam, 2015).

Theo Swetz & Hartzler (1991), qui trình MHH gồm 4 giai đoạn chủ yếu.

- Giai đoạn 1: Quan sát hiện tượng thực tiễn, phác thảo tình huống và phát hiện các yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến vấn đề thực tiễn.
- Giai đoạn 2: Lập giả thuyết về mối quan hệ giữa các yếu tố trong quản trị. Từ đó thiết lập mô hình quản trị tương ứng.
- Giai đoạn 3: Áp dụng các phương pháp và công cụ phù hợp để MHH các chức năng quản trị và phân tích mô hình đó.
- Giai đoạn 4: Thông báo kết quả, đối chiếu mô hình với thực tiễn và đưa ra kết luận. Quá trình giải quyết vấn đề (GQVĐ) và MHH có những đặc điểm tương tự nhau giúp rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng quản trị cần thiết. Do đó, chúng hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Qui trình MHH được xem là khép kín vì nó được dùng để mô tả các tình huống nảy sinh từ thực tiễn và kết quả của nó lại được dùng để giải thích và cải thiện các vấn đề trong thực tiễn.



Hình 5 Qui trình MHH các chức năng quản trị

3 Ứng dụng mô phỏng vào việc dạy và học

Mô phỏng có thể được sử dụng trong mọi tình huống giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, để minh họa cho phương pháp mô phỏng giảng dạy các chức năng quản trị, tác giả lựa chọn chức năng hoạch định với hoạt động: Ra quyết định.

Bước 1: Giảng viên giúp sinh viên nắm kiến thức môn học, cụ thể là tiếp cận theo qui trình ra quyết định do Plunkett, Attner & Allen (2007) đề xuất. Qui trình này gồm 7 bước:

- Bước 1: Xác định vấn đề hay cơ hội;
- Bước 2: Xác định các yếu tố hạn chế;
- Bước 3: Xây dựng các phương án thay thế tiềm năng;
- Bước 4: Phân tích các phương án thay thế;

- Bước 5: Lựa chọn phương án tốt nhất;
- Bước 6: Thực hiện quyết định;
- Bước 7: Thiết lập hệ thống kiểm soát và đánh giá.

Bước 2: Giảng viên giới thiệu mô phỏng các chức năng hoạch định để đặt sinh viên trong tình huống chuẩn bị tâm lý sẵn sàng tham gia tích cực vào quá trình lĩnh hội kiến thức mới. Đồng thời giảng viên có thể gợi mở phát triển những ý tưởng mới cho sinh viên, giúp sinh viên có thể quan sát những hình ảnh trừu tượng không thể trực tiếp tri giác được.

Bước 3: Giảng viên chọn phương pháp mô phỏng thích hợp có thể trực tiếp xây dựng những hình ảnh mô phỏng trên máy tính theo nhiệm vụ giáo viên đặt ra, qua đó sinh

viên phát huy tính độc lập sáng tạo tìm cách thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 4: Giảng viên sử dụng mô phỏng phối hợp với các phần mềm trình chiếu khác như power point hay giảng dạy trên web.

Bước 5: Giảng viên thông báo kết quả, đối chiếu mô hình với thực tiễn và đưa ra kết luận. Quá trình giải quyết vấn đề (GQVĐ) và MHH có những đặc điểm tương tự nhau giúp rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng quản trị cần thiết.

Ví dụ áp dụng: *Tình huống được đưa ra trong môn học Quản Trị chất lượng sản phẩm là sản phẩm ra lò bị lỗi. Yêu cầu đặt ra cho nhà quản trị là tìm hiểu nguyên nhân để giải quyết.*

Để giải quyết vấn đề trên, nhà quản trị cần tiến hành 7 bước như sau:

1. *Xác định vấn đề.* Khi nhóm được tập hợp, trưởng nhóm sẽ xác định các vấn đề. Không có thảo luận nhưng các thành viên có thể đặt ra các câu hỏi để làm rõ các vấn đề.
2. *Phát triển các ý tưởng.* Mỗi thành viên tham gia sẽ viết ra những ý tưởng của mình. Một lần nữa, không có thảo luận.
3. *Trình bày theo phương pháp vòng tròn.* Mỗi thành viên trình bày ý tưởng của mình cho nhóm. Trưởng nhóm ghi lại các ý tưởng trên giấy khổ to hoặc bảng đen. Quá trình này tiếp tục mà không có thảo luận cho đến khi tất cả các ý tưởng được ghi lại.
4. *Làm rõ các ý tưởng.* Trưởng nhóm tiến hành một cuộc thảo luận mở về tất cả ý tưởng với các thành viên, các thành viên sẵn sàng giải thích ý tưởng của mình khi cần thiết.
5. *Bỏ phiếu lần đầu.* Tổ chức một cuộc bỏ phiếu kín, mỗi thành viên xếp hạng một cách độc lập và bầu cho giải pháp nào mà họ nghĩ là tốt nhất. Các giải pháp có mức xếp hạng thấp nhất sẽ bị loại bỏ.
6. *Đánh giá các ý tưởng còn lại.* Các thành viên trong nhóm đặt câu hỏi và thảo luận với nhau về các ý tưởng còn lại.
7. *Bỏ phiếu lần cuối.* Tiếp tục bỏ phiếu kín, tất cả các ý tưởng đều được xếp hạng. Ý tưởng nào nhận được tổng số bình chọn cao nhất sẽ được thông qua.

Theo qui trình như trên thì trong bước 1, “nhà quản trị” cần đặt ra những câu hỏi lần lượt là:

- [1]. Có phải nhân viên trốn việc, giờ làm việc bị giảm?
-Trả lời: Không, tình trạng bình thường.
- [2]. Do thiếu nguyên vật liệu cần thiết?
-Trả lời: Không, nguyên vật liệu đầy đủ.
- [3]. Tinh thần nhân viên thế nào? Có khiếu nại hoặc phàn nàn gì không?
-Trả lời: Có, có một số tin đồn về sự bất mãn.
- [4]. Liệu có phải do tiền lương?

-Trả lời: Không.

[5]. Liệu có phải do điều kiện làm việc?

-Trả lời: Không.

[6]. Có phải do giám sát?

-Trả lời: Có, một số nhân viên phàn nàn về giám sát.

[7]. Mỗi quan tâm của nhân viên là gì?

-Trả lời: Các giám sát viên không trả lời được các câu hỏi của nhân viên liên quan đến khía cạnh kỹ thuật của công việc.

Bằng cách sử dụng phương pháp tiếp cận này, “nhà quản trị” phát hiện ra *vấn đề* là bộ phận giám sát thiếu các kỹ năng kỹ thuật.

Tuần tự các bước trên, “nhà quản trị” tiến hành thực hiện các bước tiếp theo để ra quyết định cho tình huống trên.

4 Kết luận và kiến nghị

Trong xu thế đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng – thực hành thì mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy đại học có những thay đổi lớn. Nhà trường cần tăng dần mức độ sử dụng các phương thức giảng dạy hiện đại như: tăng cường sử dụng đa phương tiện, chuẩn bị các bài giảng điện tử và trình chiếu để diễn đạt nội dung mới sinh động hơn, giúp các em có phương pháp phù hợp chủ động tiếp thu các nội dung với xu hướng kiến thức mở; sử dụng các phần mềm mô phỏng trên máy tính các quá trình công nghệ mới. Vì vậy việc mô phỏng, kết nối máy tính và mô phỏng các quá trình ngay trên máy tính là một phương pháp tiếp cận thực tiễn một cách hiệu quả. Tuy nhiên khi dạy học với mô phỏng, giảng viên và sinh viên cần có một số kiến thức tin học nhất định, kỹ năng sử dụng máy tính và các thiết bị kết nối với máy tính. Trong giới hạn của bài viết cho hội thảo, tác giả chỉ có thể nêu lên cơ sở lý thuyết mô phỏng, tổ chức giảng dạy mô phỏng, áp dụng cho chức năng quản trị trong phương pháp giảng dạy mô phỏng, đồng thời tác giả cũng chỉ các yếu tố tác động đến chất lượng mô phỏng để người đọc có thể hiểu rõ và áp dụng được phương pháp mô phỏng hiệu quả; để có thể ứng dụng rộng rãi phương pháp mô phỏng cho nhiều ngành, tác giả đề xuất nên triển khai thực hiện một đề án nghiên cứu về phương pháp mô phỏng giảng dạy tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ NTTU, đề tài mã số 2018.01.78.

Tài liệu tham khảo

1. Angolia, M., & Reed, A. H. (2019). "A case for earli semester utilization of business simulations" *Journal of Applied Research in Higher Education*, 11(1), 90-101.
2. Avramenko, A. (2012). "Enhancing students' employability through business simulation". *Education & Training*, 54(5), 355-358.
3. Fearon, C., van Vuuren, W., McLaughlin, H., & Nachmias, S. (2019). "Graduate employability, skills development and the UK's Universities Business Challenge competition: a self-determined learning perspective". *Studies in Higher Education*, 1-18.
4. Lohmann, G., Pratt, M. A., Benckendorff, P., Strickland, P., Reynolds, P., & Whitelaw, P. A. (2019). "Online business simulations: authentic teamwork, learning outcomes, and satisfaction". *Higher Education*, 77(3), 455-472.
5. Len, MJ Muoz-Torres & JM Moneva (2016). "Modeling and Simulation in Engineering, Economics and Management": International Conference, MS 2016, Teruel, Spain, Juli 4-5, 2016, Proceedings
6. Tanaka, S., & Sithole, M. (2015). "Quality in accounting graduates: employer expectations of the graduate skills in the Bachelor of Accounting degree". *European Scientific Journal*, 11(22), 165-180.
7. Van der Merwe, N. (2013). "An evaluation of an integrated case study and business simulation to develop professional skills in South African accountancy students". *International Business & Economics Research Journal*, 12(10), 1137-1156.
8. Xu, Y., & Yang, Y. (2010). "Student learning in business simulation: an empirical investigation". *Journal of Education for Business*, 85, 223-228.
9. Y. S.C., Churyk, N.T., & Chang, A.C. (2013). "Are students ready for their future accounting careers? Insights from observed perception gaps among employers, interns, and alumni". *Global Perspectives on Accounting Education*, 10, 1-15
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Nghị định 73/2015/NĐ-CP về qui định phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học*.
11. Hoàng Thị Phương Thảo, Bùi Thị Thanh Chi (2013), "Ý định khởi nghiệp của nữ học viên MBA tại Thành phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 271, 5/2013, pp 10-22.
12. Nhữ Thị Việt Dung (2015), "Nghiên cứu xây dựng mô hình trường đại học định hướng ứng dụng phù hợp Việt nam". *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 118, tháng 8/ 2015, trang 5-6.
13. Nguyễn Danh Nam (2015), "Quy trình mô hình hóa trong dạy học toán ở trường phổ thông". *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục*, Tập 31, Số 3 (2015) 1-10 3
14. Tổng cục thống kê (2018), *Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018*.
<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19041>

Simulations of governance functions in Application – practice university models in the 4.0 industrial revolution

Nguyen Xuan Nhi

Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Nguyễn Tất Thành
nxnhi@ntt.edu.vn

Abstract In the innovative trend of the 4.0 Industrial Revolution, many major universities in Vietnam are gradually shifting from traditional model to practical university model. This model has been identified as a strategic task in the university system but has not yet yielded real results in providing quality human resources for society. Partly, the reason is that it comes from the consequence of the teaching method that leads to the abilities of the students not meeting the needs of the recruiters. Within the scope of this article, the author used qualitative study to explore the factors that influence the quality of instruction to innovate teaching methods through visualization. Simulation helps to shorten the gap between theory and practice. The focus of this article is on how to organize a logical-modeling instructional process that creates a learning environment for students to work out how to solve problems within the scope of the administration functions performed on computer.

Keywords Administration, Competency, Function, Methodology, Simulation

